

## Bài báo nghiên cứu

# ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA SÔNG NƯỚC TRONG HỘI HỌA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 1954-1975

*Nguyễn Duy Du*

*Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Duy Du – Email: [duydu2014@gmail.com](mailto:duydu2014@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 16-6-2022; ngày nhận bài sửa: 15-7-2022; ngày duyệt đăng: 22-8-2022*

## TÓM TẮT

*Bài viết làm rõ một số vấn đề cơ bản của văn hóa sông nước và những đặc trưng văn hóa sông nước khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được biểu hiện đậm nét qua các tác phẩm hội họa của các họa sĩ giai đoạn 1954 -1975. Đây là giai đoạn được đánh giá là bước ngoặt trong lịch sử hình thành và phát triển của nền hội họa khu vực. Qua đó, người viết mong muốn làm rõ mối quan hệ của văn hóa sông nước khu vực ĐBSCL và chủ thể sáng tạo từ góc độ của nghệ thuật hội họa. Nghiên cứu hội họa từ xưa đến nay vẫn còn mang tính định tính, do đó quan điểm của bài viết nhằm lí giải trong các mối liên quan giữa những giá trị của văn hóa, lịch sử, đặc điểm và bản sắc của văn hóa địa phương tác động đến các sáng tác hội họa, gợi ý một số biểu hiện cơ bản của đặc trưng văn hóa sông nước ĐBSCL thông qua các tác phẩm hội họa. Bài viết còn góp phần khẳng định giá trị nghệ thuật sắc của hội họa khu vực trong nền hội họa Việt Nam.*

**Từ khóa:** ảnh hưởng văn hóa; đồng bằng sông Cửu Long; đặc trưng hội họa; văn hóa sông nước

## 1. Đặt vấn đề

Bên cạnh giá trị thẩm mỹ, hội họa còn thể hiện các giá trị lịch sử, văn hóa, tư tưởng của mỗi quốc gia hay mỗi vùng lãnh thổ. Hội họa khu vực ĐBSCL hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu, chủ yếu là những bài viết và nghiên cứu tổng hợp, nhận định, đánh giá, thống kê và vung tập hình ảnh tác phẩm... Mặc dù những nghiên cứu này đều có những đóng góp rất quan trọng, tuy nhiên, hội họa ĐBSCL cần được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, trong đó có góc độ văn hóa vùng.

Hội họa ĐBSCL hình thành tuy có chậm hơn so với một số khu vực khác trong lịch sử hội họa Việt Nam nhưng những dấu ấn của hội họa khu vực này trên cơ sở số lượng tác giả và tác phẩm đạt nhiều giải thưởng các cấp, cho thấy khu vực Tây Nam Bộ đã có những đóng góp không nhỏ trong nền hội họa nước nhà. Từ những vấn đề nêu trên, tác giả mong muốn đóng góp thêm những vấn đề lí luận và thực tiễn cho hội họa Việt Nam nói chung và hội họa ĐBSCL nói riêng.

---

*Cite this article as:* Nguyen Duy Du (2022). Characteristics of river culture of painting in the Mekong delta between 1954 and 1975. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(8), 1310-1322.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Nhận thức chung về đặc trưng văn hóa sông nước ĐBSCL

Khu vực ĐBSCL có vị trí địa lí ở vùng cực Nam của đất nước, có các tên gọi khác là đồng bằng sông Mekong hay đồng bằng Tây Nam Bộ, là vùng đất có địa hình đặc trưng với hệ thống sông ngòi dày đặc. Nói đến sông nước trong tâm thức của người Việt là đề cập những vấn đề về điều kiện địa lí, môi trường sinh sống, tiến trình lịch sử, đặc điểm dân tộc và phong tục, tập quán, gắn với nền văn hóa sông nước bản địa hình thành qua nhiều thế hệ. Văn hóa sông nước được thể hiện trong nét ăn, nét mặc hàng ngày; trong nhận thức, tư duy, cách ứng xử cũng như biểu hiện tâm hồn, cảm xúc của cư dân. Nói cách khác, môi trường sông nước là tác nhân hình thành nền văn hóa sông nước. Điều này cũng đã được đề cập trong nghiên cứu “River Culture: an eco-social approach to mitigate the biological and cultural diversity crisis in riverscapes” của Karl Matthias Wantzen cùng cộng sự, từ cách tiếp cận xã hội – sinh thái đã nêu lên ảnh hưởng của môi trường địa lí, sinh học, sông ngòi đối với sự biểu hiện của các yếu tố văn hóa nhân loại.

Có rất nhiều khái niệm về văn hóa, điều này cho thấy văn hóa mang nội hàm rất rộng. Theo Trần Ngọc Thêm, “Văn hóa là hệ thống hữu cơ các giá trị tinh thần và vật chất do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội” (Tran, 2013, p.27). Từ đây suy ra, đặc trưng văn hóa sông nước có thể hiểu là những nét riêng độc đáo, những điểm nổi bật trong văn hóa của một cộng đồng cư dân địa phương sống và sinh hoạt trên lãnh thổ gắn với đời sống liên quan đến sông nước (vùng, miền, khu vực, hoặc quốc gia); bao gồm những yếu tố mang tính bản địa, tính truyền thống, được hình thành qua quá trình lịch sử và được biểu hiện trong bản thân con người, hoạt động văn hóa và các sản phẩm văn hóa. Những đặc điểm nổi bật về văn hóa ĐBSCL còn được Trần Phong Điều mô tả khá bao quát trong cuốn *Đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long*, năm 2014. Theo đó, Văn hóa sông nước là một đặc trưng đậm nét trong tâm thức và sinh hoạt của cư dân ĐBSCL. Yếu tố địa văn hóa là một trong những nguyên nhân chính hình thành đặc trưng văn hóa sông nước ĐBSCL. Xuất phát từ đặc tính về cư trú và sinh sống thời khai hoang, mở đất của lưu dân Việt, trong tâm thức của những cư dân lúa nước này luôn chọn vị trí lưu trú ở vùng đất thấp, gần sông rạch, thuận tiện canh nông, sinh sống và giao thương.

Đặc trưng văn hóa sông nước biểu hiện thông qua các hiện tượng văn hóa cụ thể, đối với nghệ thuật hội họa nói riêng, được biểu hiện rõ nét. Hội họa là những sản phẩm sáng tạo do con người tạo ra và thể hiện trí tuệ, tâm hồn, tình cảm của họ. Hội họa dùng ngôn ngữ tạo hình để biểu đạt ý tưởng và truyền tải các thông điệp của tác giả đến với cộng đồng và mang tính chất là những biểu tượng, hình tượng đặc trưng, thể hiện tính bản sắc. Do vậy, đặc trưng văn hóa sông nước ĐBSCL được biểu hiện qua đặc điểm và vốn truyền thống mang lại giá trị cho tác phẩm thông qua ngôn ngữ biểu đạt của hội họa. Ở đó, thể hiện phong cách sáng

tao, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, ý thức hệ, giá trị lịch sử, tính kế thừa, tính lan tỏa, giao lưu văn hóa, đặc điểm cá nhân sáng tác.

## 2.2. *Bối cảnh và lịch sử hội họa ĐBSCL giai đoạn 1954-1975*

Theo cách phân chia của Hội Mỹ thuật Việt Nam, khu vực ĐBSCL được xếp vào khu vực 8, gồm các tỉnh ĐBSCL và tỉnh Long An. Lịch sử nền hội họa ĐBSCL có nhiều đóng góp quan trọng trong nền hội họa Việt Nam với số lượng các họa sĩ hùng hậu và có nhiều tác giả nổi tiếng và tác phẩm có giá trị cao, đạt giải thưởng toàn quốc, giải thưởng cấp Nhà nước. Hội họa ĐBSCL đã được hình thành, phát triển qua các giai đoạn gắn liền với những sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc và phản ánh sinh động đời sống xã hội.

Trước năm 1945 (cho đến 1975), các trường đào tạo về mỹ thuật của Nam Kỳ đều tập trung tại Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Trong đó, vai trò của Trường Mỹ thuật Gia Định và Trường Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn (*năm 1975 -1976, hai trường nhập thành một và có tên Cao đẳng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, tiền thân của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*) về đào tạo mỹ thuật ở Nam Kỳ và toàn cõi Đông Dương là rất quan trọng. Nơi đây đã đào tạo nên một thế hệ họa sĩ tài năng và sau này là trụ cột của mỹ thuật phía Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng. Khu vực ĐBSCL không có một cơ sở đào tạo nào để phát triển mỹ thuật. Phần lớn các họa sĩ của ĐBSCL đều phải lên Sài Gòn để học tập. Khi trình độ chuyên môn vững vàng, họ ra Hà Nội học ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, hoặc xuất ngoại sang Pháp du học. Điều này lí giải vì sao những “cây đa, cây đề” của hội họa Khu vực ĐBSCL đều ít ở lại địa phương mà tập trung vào hai trung tâm mỹ thuật lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1945 đến năm 1975, đất nước ta trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Chiến tranh không chỉ khốc liệt trên chiến trường mà còn thể hiện rõ nét trong hoạt động mỹ thuật. Nó tạo ra hai đời sống mỹ thuật khác nhau, một bên là các hoạt động mỹ thuật trong đô thị do chính quyền Pháp trước kia và Chính quyền Sài Gòn sau này quản lí. Bên còn lại là mỹ thuật kháng chiến trong bung biên, chiến khu và vùng giải phóng. Khu vực ĐBSCL là điểm nóng của chiến trường Miền Nam trong kháng chiến, nhưng cũng là nơi hoạt động mạnh mẽ của dòng hội họa kháng chiến, với các họa sĩ là những người từ Trường Mỹ thuật Gia Định thoát li vào chiến khu và các họa sĩ từ miền Bắc bổ sung vào Nam. Điều đặc biệt là những cơ sở đào tạo họa sĩ đầu tiên ở ĐBSCL chính là các lớp hội họa trong Chiến khu.

Quan điểm sáng tác của các họa sĩ Miền Nam thời kì này theo hai hướng: một bên là Hội họa kháng chiến với quan điểm sáng tác phần lớn là “nghệ thuật vị nhân sinh” theo phong trào sáng tác nghệ thuật trên tinh thần phục vụ, tác phẩm hội họa mang tính đại chúng, gắn liền với hoạt động thực tiễn, cổ vũ tinh thần đấu tranh giành độc lập. Chính vì mục đích đó cùng với sự hăng say, nhiệt huyết đã thúc đẩy các họa sĩ ghi chép và phản ánh sinh động các mặt của đời sống xã hội qua hàng loạt các bức tranh kí họa chiến trường, hình tượng người lính, người mẹ, hình tượng Bác Hồ, hình tượng công nhân, nông dân...

Bên cạnh Hội họa kháng chiến, các họa sĩ hoạt động nghệ thuật trong các vùng đất thuộc chính quyền Sài Gòn quản lý có tư tưởng mạnh mẽ về tự do và sáng tạo. Mặc dù giai đoạn này không dài nhưng thực sự đa dạng, rục rờ, nhất là khoảng thập niên 1960, về sau giảm dần và kéo dài đến 1975. Đây là giai đoạn góp phần tạo nên một nền nghệ thuật mang tính hiện đại và sáng tạo của hội họa miền Nam; trong đó có sự tham gia của các họa sĩ xuất thân từ ĐBSCL như Văn Đen (Cần Thơ), Lưu Đình Khải (Long An), Nguyễn Trung (Sóc Trăng), Nguyễn Lâm (Cần Thơ), Đặng Hoài Nam (Long An)... Nhìn nhận khách quan về mảng hội họa Sài Gòn, trường hợp các họa sĩ xuất thân vùng ĐBSCL có rất nhiều tác phẩm đẹp và mang đến nhiều màu sắc mới cho hội họa Nam Bộ nói chung. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết, tác giả chưa thể nhìn nhận thấu đáo các biểu hiện đặc trưng của văn hóa sông nước ĐBSCL trong các sáng tác thuộc mảng hội họa này. Do đó, bài viết chỉ tập trung nhìn nhận những biểu hiện đặc trưng văn hóa sông nước đối với mảng hội họa kháng chiến, một mảng đề tài được biểu hiện rõ nét khi các họa sĩ vốn là những người xuất thân, sinh sống, sáng tác hoặc trực tiếp chiến đấu trong lòng khu vực ĐBSCL.

Trong cuốn *Mỹ thuật đồng bằng sông Cửu Long* của tác giả Trần Khánh Chương (chủ biên) cùng cộng sự (2013) đã xác định rõ hội họa ĐBSCL qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Các thế hệ họa sĩ nối tiếp như Huỳnh Văn Gấm, Nguyễn Cao Thương, Tô Dự, Dũng Tiên, Nguyễn Bình Đăng, Phạm Văn Tâm, Nguyễn Hải, Trương Đức Vinh, Diệp Minh Châu, Nguyễn Phi Oanh, Nguyễn Chi, Cửu Long Giang, Nguyễn Hiêm, Nguyễn Vĩnh Bảo, Nguyễn Phước Sanh, Hồ Văn Lái, Võ Thành Lũy, Trần Văn Lắm, Huỳnh Phương Đông, Thái Hà, Lê Hồng Hải, Huỳnh Công Thu, Lê Văn Chương, Lê Thanh Trừ, Nguyễn Trí Hiếu, Thái Đắc Phong, Nguyễn Tấn Lực, Lê Tâm, Lê Lam, Nguyễn Thanh Châu, Phạm Đỗ Đồng, Huỳnh Quốc Trọng, Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Quang Bửu, Hoàng Anh, Thái Hà, Cổ Tấn Long Châu, Huỳnh Phương Đông, Trang Phương... đã có công tạo dựng một nền hội họa mang bản sắc riêng của khu vực ĐBSCL. Nhiều họa sĩ tên tuổi đã ghi dấu ấn đậm nét trong nền hội họa Việt Nam với hàng nghìn tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao được lưu giữ trang trọng trong lịch sử hội họa nước nhà. Nhiều tác phẩm đã đạt giải ở các cuộc triển lãm trong nước. Riêng về hội họa có Huỳnh Văn Gấm và Nguyễn Sáng đạt giải thưởng Hồ Chí Minh; giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật có: Mai Văn Hiến, Nguyễn Hiêm, Nguyễn Thanh Châu, Quách Phong, Nguyễn Cao Thương, Hoàng Trầm, Cổ Tấn Long Châu.

Đặc trưng về nội dung các tác phẩm hội họa ĐBSCL thường bám sát cuộc sống trong chiến đấu và lao động sản xuất, đặc trưng phong cảnh, hình tượng con người Nam Bộ, phản ánh khá đầy đủ và đa dạng các hoạt động của người dân nơi đây, thể hiện rõ nét bản sắc riêng của hội họa khu vực ĐBSCL so với các khu vực khác. Các sáng tác trong giai đoạn 1954-1975 đã ghi dấu ấn quan trọng về sự phát triển và hình thành bản sắc của hội họa ĐBSCL trong hội họa Việt Nam.

Về chất liệu sử dụng, ở giai đoạn này, hội họa kháng chiến ĐBSCL chủ yếu dùng chì, màu nước, mực nho, chì than, than vẽ... để vẽ nhanh (kí họa). Từ đây hình thành một kho

tàng kí họa chiến trường có giá trị nghệ thuật và giá trị lịch sử sống động, được lưu trữ rất nhiều ở Bảo tàng Mỹ thuật Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tại các cuộc triển lãm, tranh sơn dầu, tranh màu nước và đặc biệt là dòng tranh in khắc gỗ, vốn là thế mạnh của khu vực. Tranh khắc gỗ có số lượng lớn hơn so với các khu vực khác và phần nhiều là đen trắng, thiên về các thủ pháp sử dụng nét, ít tranh khắc gỗ màu. Bên cạnh đó, có rất ít tác phẩm tranh chất liệu lụa và sơn mài vì giai đoạn kháng chiến 1954 – 1975, họa sĩ kháng chiến không thể vẽ chất liệu này. Khác với họa sĩ kháng chiến khu vực ĐBSCL, hội họa Nam Bộ nói chung ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ và sâu sắc các chất liệu hội họa Việt Nam, đặc biệt là sơn mài với nguyên liệu từ sơn Nam Vang.

Giai đoạn 1954 -1975 là giai đoạn khốc liệt của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chiến trường Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng, nằm trong khu vực kiểm soát gắt gao nhất của địch. Các họa sĩ ĐBSCL, tùy điều kiện cụ thể, có người ở lại tiếp tục hoạt động trong những khu căn cứ cách mạng cùng các họa sĩ miền Bắc vào chiến trường miền Nam, có người tiếp tục theo dấu chân chiến sĩ trong suốt hành trình cứu nước như Cỏ Tấn Long Châu, Trang Phương, Huỳnh Phương Đông... Họ tham gia ươm mầm đào tạo cho các thế hệ kế tiếp. Nhiều người trong số họ sau này đã trở thành họa sĩ.

Những vấn đề tổng quan nêu trên cho thấy văn hóa sông nước ảnh hưởng đến phong cách và bản sắc riêng biệt, mang đậm dấu ấn của hội họa ĐBSCL, được biểu hiện rõ nét trong sáng tác của các họa sĩ khu vực. Do điều kiện lịch sử đặc biệt, nên có những nét đặc trưng riêng với dòng hội họa Cách mạng ở vùng giải phóng, vừa có giá trị mỹ thuật, vừa có giá trị lịch sử và giá trị nhân văn; thể hiện được bản sắc và đặc trưng của tinh thần yêu nước, phong cách và lối sống bình dị của văn hóa sông nước.

### **2.3. Những biểu hiện đặc trưng văn hóa sông nước khu vực ĐBSCL trong hội họa giai đoạn 1954-1975**

#### **2.3.1. Biểu hiện trong chủ đề của hội họa**

“Chủ đề của hội họa là vấn đề chủ yếu được quán triệt trong nội dung tác phẩm, theo một khuynh hướng tư tưởng nhất định.” (Ma, 2015). Chủ đề là đối tượng chính mà hội họa khai thác để qua đó nêu lên các ý tưởng và quan điểm sáng tác của chủ thể sáng tạo. Mở rộng khái niệm, chủ đề không chỉ bàn về nội dung, mà còn là khuynh hướng sáng tạo thông qua góc nhìn của tác giả, thể hiện qua hình thức tác phẩm.

Có hai mảng đề tài lớn trong hội họa ĐBSCL giai đoạn này là đề tài cảnh quan và con người. Trong đó, hội họa khu vực ĐBSCL, những đặc trưng văn hóa sông nước được biểu hiện qua một số chủ đề tiêu biểu sau:

- Chủ đề về cảnh quan thiên nhiên, môi trường sống đặc trưng ĐBSCL

Cảnh quan thiên nhiên và môi trường sống là đối tượng trong hội họa Việt Nam nói chung và Hội họa ĐBSCL nói riêng. Với đặc điểm thiên nhiên đặc trưng của vùng sông nước Cửu Long được mô tả rất đầy đủ trong nhiều nghiên cứu về địa lí, thổ nhưỡng, môi trường, khí hậu, con người, động, thực vật... của các học giả trong và ngoài nước, như: Trần Phong

Điều, Trần Ngọc Thêm, Sơn Nam, Lê Anh Tuấn, Entzinger, Peter Scholten, Shahbaz Mushtaq... đã cho thấy rõ yếu tố môi trường thiên nhiên đặc trưng sông nước tác động lớn đến đời sống, văn hóa, tư tưởng và nghệ thuật của người dân, trong đó có nghệ thuật hội họa. Cùng với sự linh hoạt kỹ thuật và phong cách nghệ thuật phương Tây thông qua môi trường đào tạo chuyên nghiệp ở Sài Gòn, yếu tố thiên nhiên đặc trưng của vùng sông nước được biểu hiện khá rõ nét qua nhiều tác phẩm hội họa mang bản sắc văn hóa của ĐBSCL. Cụ thể, các họa sĩ thường sử dụng dạng bố cục theo khung nằm ngang, có lẽ để dễ diễn tả quan cảnh rộng của địa hình bằng phẳng, mênh mông. Yếu tố sông nước được thể hiện trong nhiều tranh với hình ảnh sông, rạch, ghe xuồng..., thường dùng các màu mang hòa sắc xanh lá cây, màu vàng đậm của sông nước giàu phù sa, phối hợp thêm là màu nâu đỏ của vỏ cây, lá cây, màu đất, màu xám xanh dương của các vùng tối trong rừng cây lá...

Phong cách thể hiện của các họa sĩ kháng chiến về ĐBSCL khá đa dạng, với nhiều chất liệu, nhưng phần lớn theo khuynh hướng Hiện thực, Ấn tượng. Ít có tác phẩm được thực hiện công phu, chuẩn mực về kỹ thuật, có nghiên cứu sâu về bố cục, hình thể. Các tác phẩm thường được vẽ nhanh bằng thủ pháp trực họa, kí họa với bút pháp của phong cách ấn tượng. Các đối tượng trong cảnh quan thiên nhiên thường được thể hiện với tiết tấu chậm, vừa phải. Cảnh quan sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ trong chiến khu cũng có không khí lãng đãng, êm ả. Những họa sĩ ĐBSCL như: Thanh Châu, Huỳnh Phương Đông, Quách Phong, Hoàng Trâm, Nguyễn Hiêm, Nguyễn Cao Thương... đã đi khắp các chiến trường, trực tiếp tham gia các chiến dịch để rồi tình yêu quê hương được trải ra trên những kí họa phong cảnh thiên nhiên. Ở đó, người xem có thể dễ dàng nhận ra tình cảm, cái chất Nam Bộ đã thấm từ bao đời, sinh động và thân quen. Nhiều bức tranh vẽ cảnh sinh hoạt của miền Tây sông nước bình dị nhưng rất tình cảm, gây xúc động cho người xem, như bức sơn mài “Qua cầu khi” của Nguyễn Hiêm, một đơn vị hành quân lặng lẽ trong đêm qua cây cầu khi, le lói ánh đèn trong nhà, rặng dừa bên dòng kinh lặng lẽ. Tranh “Trong rừng đước”, sơn khắc của Thái Hà, là một bức tranh có cấu trúc phức tạp vui mắt của cảnh lá cây đước, xôn xao đối lập với mảng sơn then diễn tả dòng nước vùng Cà Mau, nêu bật tinh thần lạc quan trong chiến đấu gian khổ. Cảnh nên thơ của những chiếc xuồng nhỏ len lỏi trong rừng tràm, trong tranh màu nước “Rừng tràm” của Trần Xuân Hòa. Một số tác phẩm vẽ về các trận chiến với bút pháp mạnh mẽ, linh hoạt, cho thấy không khí hào hùng, khốc liệt, khói lửa của chiến trường. Những bức kí họa đã thể hiện điều đó: “Trận Ấp Bắc 1963”, “Trận mở màn trên đồng nước” (sơn dầu của Huỳnh Phương Đông)... Những bức tranh này vẽ cảnh chiến đấu với không gian toàn cảnh, nhân vật và phương tiện, khí tài đều chiếm tỉ lệ nhỏ, nhưng tạo được không khí sôi động, lôi cuốn.

Rất nhiều tranh chủ đề phong cảnh giai đoạn 1954-1975 là tranh kí họa, được vẽ với các chất liệu vẽ nhanh như bút chì, bút sắt, than thỏi, màu nước trên giấy, sơn dầu... phù hợp với tính chất di chuyển liên tục trong vùng kháng chiến. Có thể kể đến kí họa phong cảnh màu nước “Sau hiệp định Paris 73, Mỹ Tho” của Nguyễn Thanh Châu, mô tả một góc

nhìn quen thuộc trên sông nước, với cây lá ven sông và hình tượng chiếc ghe Nam Bộ yên bình và trong trẻo; họa sĩ Nguyễn Hiêm có rất nhiều tranh phong cảnh đẹp, mô tả sinh động đặc trưng thiên nhiên vùng sông nước ĐBSCL; loạt tranh màu nước “Sống trong rừng U Minh”, “Láng rừng Năm Căn Cà Mau” của họa sĩ Tô Dụ mô tả sinh động địa hình đặc trưng với cây đước xen lẫn rạch nước nhỏ, cây cầu khi, xuồng ba lá, ngôi nhà mái lá trong rừng đước, ngập nước và cảnh phơi lưới quen thuộc. Bên cạnh nội dung mô tả cảnh sắc thiên nhiên, các tác giả còn tố cáo mạnh mẽ tội ác của giặc Mĩ, cho thấy sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh.

- **Chủ đề con người và tinh thần yêu nước trong hội họa vùng ĐBSCL**

Con người luôn là đối tượng chính của hội họa từ xưa đến nay. Hình tượng con người trong chiến đấu, lao động, sinh hoạt gia đình, cộng đồng... luôn nổi bật trong các tác phẩm hội họa. Chủ đề về con người chiếm nhiều nhất trong hội họa vùng giải phóng. Ở mảng chủ đề này, các họa sĩ kháng chiến đã thể hiện sinh động nhất những giá trị bản sắc văn hóa của con người Nam Bộ trong bối cảnh lúc bấy giờ. Việc khắc họa này luôn là thách thức và là niềm đam mê sáng tác của các họa sĩ.

Các họa sĩ kháng chiến đã đưa con người ĐBSCL vào nghệ thuật từ thời kháng Pháp, chống Mĩ. Đó là hình ảnh những chiến sĩ cách mạng hoạt động tại vùng kháng chiến, hành quân chiến đấu xuyên bung biên, rừng lá, vượt sông... lập nên những chiến công hiển hách với lòng quả cảm. Chân dung những người dân vùng quê một lòng theo cách mạng, họ là người mẹ, người chị, người già, trẻ nhỏ hiện diện sinh động trong đời sống kháng chiến. Tranh khắc gỗ “Hành quân mưa” của Cửu Long Giang là một bức tranh đẹp, thể hiện đoàn quân hồi hải ra mặt trận tại miền Tây Nam Bộ. Về hành quân, còn có tranh “Hành quân qua bung biên Đồng Tháp” của Nguyễn Cao Thương. Tranh “Trận Tầm Vu” của Nguyễn Hiêm là một bức tranh đặc biệt, được vẽ tại trận đánh bằng bột màu năm 1948. Với sắc màu đơn giản, xanh cây úa vàng và đen, điểm xuyết màu da người trên nền trời xanh xám, tranh thể hiện không khí sinh động của trận đánh, những người chiến sĩ Vệ quốc lưng trần, quần bà ba đen đánh tan đội quân cơ động Pháp, lấy được pháo 105 li, như câu ca dao còn lưu truyền: “Trận Láng Le Tây chết ngất, trận Tầm Vu Tây mất cà nông”. Hình tượng người lính còn được thể hiện một cách rất chân thực với bầu không khí căng thẳng trước khi vượt sông trên chiến trường vùng sông nước trong “Đêm giao liên” của Nguyễn Thanh Châu. Không khí trước trận đánh còn được thể hiện một cách hài hòa trong bối cảnh rất đặc trưng: kênh rạch, bụi dừa nước, chiến sĩ Giải phóng quân và du kích địa phương trong tranh sơn khắc “Trước giờ xuất kích” của Thái Hà năm 1972. Tranh sơn dầu “Tình quân dân” của Nguyễn Hoàng Anh (đã hi sinh năm 1968) vẽ cảnh các mẹ, các chị đang chặt dừa, mang trái cây cho các chiến sĩ Giải phóng quân và du kích. Một hình ảnh đời thường nhưng rất điển hình cho tính cách người miền Tây Nam Bộ. Chiến tranh không thể nào làm mất đi những vẻ đẹp của con người, những nữ chiến sĩ bên hoa sen trong tranh “Du kích Đồng Tháp Mười” của Hoàng

Trầm đã nói lên điều đó. Ngoài ra, còn có rất nhiều tác phẩm kí họa chân dung bằng các chất liệu chì, màu nước về con người và chiến sĩ vùng ĐBSCL.

Thông qua chủ đề con người trong hội họa ĐBSCL, các tác giả hướng tới ca ngợi tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường của nhân dân trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, phản ánh hình ảnh con người vùng sông nước Cửu Long mộc mạc, bình dị nhưng kiên cường trong chiến đấu. Tinh thần bất khuất của quân và dân Nam Bộ đã được thể hiện trong nhiều kí họa về những trận đánh, sự kiện lịch sử. Lòng yêu nước còn được thể hiện ở sự vượt khó để sống, phục vụ kháng chiến và sáng tác của các họa sĩ vùng giải phóng. Các họa sĩ ĐBSCL đa số đã sống, chiến đấu và ghi chép, sáng tác ngay trong thời gian chiến tranh ác liệt. Sự độc đáo của kí họa kháng chiến thời kì chống Mĩ nói lên khát khao hòa bình, tinh thần lạc quan yêu đời và niềm tin chiến thắng của quân và dân ta. Bằng ngôn ngữ nghệ thuật hội họa, các họa sĩ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và đức tính tốt đẹp của con người Nam Bộ, xót xa trước cảnh chiến tranh tàn phá và hủy diệt thiên nhiên, cảm thương cho thân phận khổ đau của con người trong chiến tranh và khát khao hòa bình cho dân tộc.

Tinh thần yêu nước, ý chí độc lập dân tộc, khát vọng hòa bình trong hội họa giai đoạn 1954-1975 đã hình thành và phát triển ở thực tế cuộc sống chiến trường nóng bỏng, và đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật tạo hình mang một sức sống mãnh liệt. Nhiều tác phẩm hội họa ra đời trên chiến trường có sức truyền tải những giá trị thiêng liêng của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua chủ đề quê hương đất nước. Các bố cục tranh về hình tượng con người vùng sông nước ĐBSCL với nhiều thành phần xuất thân và nhiều câu chuyện khác nhau: Bức “Trái tim và nòng súng” của Huỳnh Văn Gấm năm 1963 mô tả sự kiên cường của những người con gái Nam Bộ, đối đầu hiên ngang trước giặc Mĩ và tay sai; “Trên đường ra chiến dịch” của Nguyễn Thanh Châu mô tả khí thế hùng hục của đoàn quân tiến về giải phóng miền Nam; Huỳnh Phương Đông với “Trận Ấp Bắc” nổi tiếng, mô tả phong cảnh đặc trưng ĐBSCL trong khói lửa, đạn lạc...

Đặc trưng văn hóa sông nước ĐBSCL được biểu hiện qua chủ đề về tình yêu quê hương đất nước không chỉ thể hiện trực tiếp qua các trận đánh mà còn được lồng ghép vào trong chủ nghĩa hình tượng, chủ nghĩa yêu nước, yêu thiên nhiên, môi trường sống; những giá trị văn hóa địa phương và các giá trị lịch sử.

### *2.3.2. Biểu hiện trong ngôn ngữ của hội họa*

Hội họa có thể hiểu là một bộ môn nghệ thuật tạo hình đặc trưng bởi sự biểu hiện không gian trên mặt phẳng bằng các yếu tố đường nét, màu sắc, mảng, bố cục.

“Sáng tác hội họa là một hoạt động mang đậm dấu ấn cá nhân, được duy trì bởi cảm hứng hơn là sự kiểm soát của lí trí.” (Phạm, 2011, p.95) nghệ thuật hội họa có đặc thù ngôn ngữ của hình thể và không gian ở chất cảm, ở màu sắc. Dưới góc độ thị giác, khả năng truyền đạt của ngôn ngữ hội họa gần như không có rào cản, ranh giới quốc gia, văn hóa với khả năng diễn đạt hết sức phong phú. Tác phẩm hội họa có giá trị luôn cho con người cảm nhận một sự tổng hòa của nhiều quan hệ tương tác của các yếu tố tạo hình, khiến chúng ta vừa



thấy, vừa cảm được rất nhiều những thông tin khác do nó gợi liên tưởng đến. Hội họa là ngọn nguồn của sự sáng tạo, nó thuộc về cảm tính, chủ quan và áp đặt. Do đó, mỗi biểu hiện của sáng tác hội họa là sự cô đọng một chuỗi hình tượng và phong cách sáng tạo hình tượng của cá nhân họa sĩ. Hội họa làm nhiệm vụ phản ánh lại cuộc sống và vật thể vốn có được góc nhìn và quan điểm của họa sĩ thông qua các yếu tố tạo hình, bao gồm hình và màu, trong đó hình được tạo nên bởi đường, nét, mảng khối đậm nhạt. Ngoài ra, các yếu tố tạo hình trong hội họa còn bao gồm những thứ không thể nhìn thấy bằng mắt, nằm trong những liên tưởng, ý nghĩa biểu trưng, biểu tượng; ý nghĩa trong tiềm thức mà mỗi quốc gia, nền văn hóa quy ước ngầm cho các đối tượng cụ thể...

Ngôn ngữ hội họa là ngôn ngữ nghệ thuật mang tính tạo hình, được thể hiện bằng vật chất cụ thể, mang phong cách cá nhân, khuynh hướng, trường phái, kỹ thuật thể hiện... Hội họa thời kì 1945-1954 tại miền Nam và đặc biệt là hội họa tại Sài Gòn nở rộ nhiều khuynh hướng nghệ thuật, trường phái như Ấn tượng, Chủ nghĩa Lập thể, Trừu tượng, Dã thú, Vị lai... trong đó có các họa sĩ xuất thân từ ĐBSCL. Tuy nhiên, bài viết không đi sâu phân tích các cấu trúc trong ngôn ngữ hội họa, mà chỉ giới thiệu một số biểu hiện của ngôn ngữ hội họa thể hiện được những nét đặc trưng văn hóa của vùng sông nước qua ngòi bút của các họa sĩ ĐBSCL giai đoạn 1954-1975.

Hội họa kháng chiến ĐBSCL giai đoạn 1954 -1975 chủ yếu là phản ánh chân thực cuộc kháng chiến trường kì chống giặc ngoại xâm. Do vậy, phần lớn các tác phẩm giai đoạn này theo phong cách hiện thực chủ nghĩa “nghệ thuật vị nhân sinh”. Không có nhiều thể nghiệm trong phong cách và trường phái sáng tác mà tập trung vào thủ pháp mô tả hiện thực hoặc mang hơi hướng của chủ nghĩa Ấn tượng, chủ nghĩa Tượng trưng. Mặt khác, do điều kiện tham gia chiến trường, các họa sĩ thể hiện tác phẩm bằng các chất liệu vẽ nhanh như sơn dầu, bột màu, màu nước, tranh in khắc gỗ... nên không có nhiều tính mới về thể nghiệm chất liệu cũng như ý tưởng theo quan điểm các trường phái nghệ thuật mới của thế giới lúc bấy giờ (Chủ nghĩa Lập thể, Trừu tượng, Pop art, Op art...) như trong hội họa Sài Gòn. Như vậy, nói một cách tổng quan, hầu hết giá trị nghệ thuật đặc trưng trong các tác phẩm hội họa ĐBSCL nằm ở kỹ năng của bút pháp, kỹ năng nắm bắt và thể hiện không gian, không khí của từng quang cảnh, sự kiện lịch sử.

### 2.3.3. Biểu hiện trong chất liệu của hội họa

Trong hội họa, chất liệu là phương tiện để chứa đựng ý tưởng sáng tạo. Mỗi chất liệu đều có thể mạnh và hạn chế của nó. Sử dụng và chinh phục một chất liệu luôn là lựa chọn của người nghệ sĩ, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân trong từng hoàn cảnh nhất định. Xem những tác phẩm hội họa, người thưởng lãm không phải chỉ thưởng thức vẻ đẹp, hiểu, cảm nhận nội dung tác phẩm mà còn tìm hiểu quá trình hình thành tác phẩm để có thể ghi nhận và chia sẻ với người sáng tạo nghệ thuật. Thực tế đã chứng minh, mỗi phong cách sáng tác, dạng thức biểu đạt đều có ngôn ngữ và chất liệu riêng. Chúng có mối tương quan chặt chẽ với nhau và bị chi phối lẫn nhau bởi các kỹ thuật và ngôn ngữ tạo hình đặc

trung khi tạo nên tác phẩm hội họa. Có thể nói, nghệ thuật tạo hình cũng đồng thời là nghệ thuật của sự nghiên cứu, tìm tòi và thể nghiệm chất liệu. Quá trình sử dụng chất liệu cùng với quá trình sáng tạo tác phẩm đã quyết định tính độc bản, giá trị kỹ thuật và cảm xúc của tác giả tại thời điểm thực hiện tác phẩm hội họa.

Về chất liệu sử dụng trong hội họa kháng chiến ĐBSCL giai đoạn 1945-1954, các chất liệu vẽ nhanh, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế ở kháng chiến như bút chì, bút chì than, than vẽ, bút sắt... là chất liệu ưa thích của các họa sĩ. Rất nhiều kí họa đẹp, có giá trị nghệ thuật cao thể hiện qua hàng nghìn tác phẩm của các họa sĩ ĐBSCL và hiện được lưu giữ trang trọng trong các bảo tàng mỹ thuật. Các kí họa chiến trường, kí họa sinh hoạt vùng kháng chiến như một minh chứng hùng hồn mang dấu ấn của lịch sử và bối cảnh văn hóa đặc trưng sông nước ĐBSCL.

Các nghệ sĩ tạo hình khu vực ĐBSCL đã đạt nhiều thành tựu tranh sơn dầu, nhiều tác phẩm chất liệu này đã được tặng giải thưởng của Hội Mỹ thuật Việt Nam. Kế thừa những thành tựu tranh sơn mài đầu thế kỉ XX của các họa sĩ thế hệ đầu tiên, tranh sơn dầu Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng, giai đoạn 1954-1975 đã là chất liệu được ưa thích, rất phổ biến và tiếp tục được khám phá. Với thế mạnh về khả năng biểu đạt gần như vô tận, sơn dầu đã là chất liệu được đa số họa sĩ lựa chọn. Các họa sĩ ĐBSCL sử dụng chất liệu sơn dầu như một phương tiện phù hợp để tạo nên những tác phẩm mang đậm nét riêng của thiên nhiên và con người Nam Bộ. Nhiều họa sĩ đã thành công trong sáng tác bằng chất liệu sơn dầu như: Nguyễn Hiêm, Nguyễn Cao Thương, Nguyễn Thanh Châu, Nguyễn Sáng, Cổ Tấn Long Châu... Riêng chất liệu sơn mài ít được các họa sĩ ĐBSCL quan tâm bởi các lí do sau: tranh sơn mài thường tốn nhiều thời gian và công sức đầu tư hơn các chất liệu khác, việc trang bị đầu tư dụng cụ và phòng vẽ, phòng ủ chuyên để vẽ sơn mài cũng khó khăn hơn. Những họa sĩ thành công với chất liệu sơn mài như Huỳnh Văn Gấm, Hoàng Trầm, Quách Phong... đều thực hiện tác phẩm khi đã di chuyển sang vùng đất khác.

Tương tự trường hợp tranh sơn mài, tranh lụa ĐBSCL với kỹ thuật vẽ cần nhiều công đoạn và vật tư cần thiết nên phát triển rất hạn chế. ĐBSCL có thế mạnh về tranh khắc gỗ, được kế thừa từ giai đoạn 1945-1954. Tranh khắc gỗ chủ yếu là đen trắng, thiên về các thủ pháp sử dụng nét, rất ít tranh khắc gỗ màu. Bên cạnh đó, các thể loại tranh in khác như khắc kẽm, khắc đồng, khắc cao su, in lưới, tranh in độc bản hầu như rất hiếm. Nguyên nhân cũng do điều kiện thiếu thốn và khó khăn về cơ sở vật chất tại các địa phương khu vực ĐBSCL.

Như vậy, nhìn chung biểu hiện đặc trưng của văn hóa sông nước trong hội họa ĐBSCL giai đoạn 1954-1975 về chất liệu hội họa, được nhìn nhận có những nét tương đồng và khác biệt đối với các vực khác, ngay cả so sánh với đặc trưng văn hóa sông nước khu vực lân cận là Đông Nam Bộ với trung tâm là Sài Gòn (khu vực tạm chiếm). Chính những đặc trưng về bối cảnh của các địa danh trong hoàn cảnh chiến tranh, những yếu tố về văn hóa vật chất và tinh thần tác động đến việc lựa chọn chất liệu phù hợp với từng điều kiện cụ thể. Cảm hứng sáng tác của chất liệu hội họa cũng được hình thành thông qua kỹ năng chất liệu. Sự khó

khăn, hạn chế của chất liệu đôi lúc lại là thách thức để nâng tầm kỹ năng thể hiện của người họa sĩ trong việc mô tả những hình tượng nghệ thuật hội họa. Chính vì lẽ đó, nét đặc sắc nhất của hội họa khu vực ĐBSCL giai đoạn 1954 -1975 là sản sinh ra một thế hệ họa sĩ với kỹ năng bút pháp tuyệt vời, nhất là kỹ năng kí họa, trực họa.

### 3. Kết luận

Hội họa khu vực ĐBSCL đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển với những cống hiến đáng ghi nhận trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Các thế hệ họa sĩ tiếp nối nhau gây dựng một nền hội họa mang nhiều màu sắc riêng. Hội họa giai đoạn 1954-1975 đã thể hiện đậm nét các giá trị văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật. Chủ đề thiên nhiên và con người được thể hiện trong hội họa mang đậm chất Nam Bộ. Thiên nhiên mang đặc trưng của vùng đất với hình ảnh những cánh đồng bát ngát, những dòng sông đậm màu phù sa; những rừng đước, rừng tràm, trảng cỏ, rừng cây, bụi chuối, hàng cau... Hình tượng con người trong các tác phẩm hội họa ĐBSCL mang những nét đặc trưng vốn có của người dân Nam Bộ, chân chất, thật thà, nhưng kiên cường bất khuất. Bên cạnh đó, đặc trưng của hội họa ĐBSCL giai đoạn 1954-1975 còn được biểu hiện qua chất liệu và thủ pháp của nghệ thuật hội họa. Hội họa ĐBSCL giai đoạn này đóng góp cho nền hội họa Việt Nam rất nhiều tác giả, tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Thông qua những chủ đề và hình tượng nghệ thuật, các tác phẩm hội họa ĐBSCL có giá trị thực tiễn xã hội: ra đời trong hoàn cảnh chiến tranh, những tác phẩm hội họa đã trở thành món ăn tinh thần của nhân dân, góp phần vào chiến thắng chung của toàn dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, giáo dục lòng tự hào dân tộc, truyền thống yêu nước. Bên cạnh đó, hội họa ĐBSCL còn thể hiện các giá trị văn hóa, giá trị lịch sử và giá trị nhân văn sâu sắc.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoang, N. D. (1994), *50 năm tranh tuong ve Luc luong vu trang va Chien tranh cach mang*, [Fifty years of painting and sculpture on armed forces and revolutionary wars]. Hanoi: Fine Arts Publishing House.
- Many authors (2003). *Tuyen tap My thuat Viet Nam The ki XX* [20th century Vietnamese fine arts selected works]. Hanoi: Cultural & Information Publishing House.
- Ma, T. C. (2015). *Ban sac dan toc trong hoi hoa mien Nam giai doan 1954-1975* [National identity in Southern painting in the period 1954-1975] Doctoral thesis, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University of Ho Chi Minh City.
- Pham, V. T. (2011). *Cam hung trong sang tac hoi hoa* [Inspiration in painting]. *Art and Culture Magazine*, (322).

- Tran, P. D. (2014). *Dac diem van hoa dong bang song Cuu Long [Cultural characteristics of the Mekong Delta]*. Hanoi: Culture and Information Publishing House.
- Tran, K. C. (2013). *Mi thuat dong bang song Cuu Long [Mekong Delta region fine arts]*. Hanoi: Fine Arts Publishing House.
- Tran, N. T. (2013). *Van hoa nguoi Viet vung Tay Nam Bo [Vietnamese culture in the Southwest region]*. Hochiminh City: Ho Chi Minh City Art-Culture Publishing house.
- Tran, N. T. (1996). *Tim ve ban sac van hoa dan toc [Find out about the national cultural identity]*. Hochiminh City: Ho Chi Minh City General Publishing House.
- 

**CHARACTERISTICS OF RIVER CULTURE OF PAINTING  
IN THE MEKONG DELTA BETWEEN 1954 AND 1975**

**Nguyen Duy Du**

*Ho Chi Minh City University of Fine Arts, Vietnam*

*Corresponding author: Nguyen Duy Du – Email: duydu2014@gmail.com*

*Received: June 16, 2022; Revised: July 15, 2022; Accepted: August 22, 2022*

**ABSTRACT**

*The article clarifies some basic issues of river culture and its features in the Mekong Delta region, which is clearly expressed in the paintings of the period from 1954 to 1975. This is a period that has been considered a turning point in the history of the formation and development of regional painting. Thereby, the writer defines the relationship between river culture in this region and the subject of creation from the perspective of the art of painting. The study of painting has so far remained qualitative, so the article aims to explain the relationship between the values of culture, history, characteristics, and identity of local culture affecting the painting compositions, suggesting some basic expressions of the characteristics of Mekong Delta river culture through artworks. The article also affirms the unique artistic value of the region's painting in Vietnamese painting as a whole.*

**Keywords:** cultural influence; Mekong Delta; painting features; river culture

PHỤ LỤC



“Sống trong rừng U Minh” (1974)  
Chất liệu: màu nước  
Tác giả: Tô Dụ



Trái tim và nòng súng (1963)  
Chất liệu: sơn mài  
Tác giả: Huỳnh Văn Gấm



“Trận Ấp Bắc” (1963)  
Chất liệu: sơn dầu  
Tác giả: Huỳnh Phương Đông



“Đồng chí Trung Kiên” (1965)  
Chất liệu: bút sắt, màu nước  
Tác giả: Cổ Tấn Long Châu



“Ngoan cường Chiến Đấu” (1968)  
Chất liệu: bút sắt, màu nước  
Tác giả: Cổ Tấn Long Châu